

Số: 90/QĐ-MNMN

Mường Nhà, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các đơn vị trực thuộc năm 2024 để thực hiện tiết kiệm 5% Chi thường xuyên năm 2024 - Trường Mầm non xã Mường Nhà

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 203/QĐ- PGDDT, ngày 10/9/2024.V/v điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các đơn vị trực thuộc năm 2024 để thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các đơn vị trực thuộc năm 2024 để thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của Trường Mầm non xã Mường Nhà.
(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, tổ chuyên môn trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng GD&ĐT
- Phòng TC – KH
- KBNN huyện Điện Biên
- Lưu: VT.KT



Quảng Chi Nhung

Hieu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

on vị: Trường MN xã Mường Nhà

hương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo QĐ số /QĐ-MN/MN, ngày /9/ 2024 của hiệu trưởng trường Mầm non xã Mường Nhà

% Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các đơn vị trực thuộc năm 2024

để thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Giảm Dự toán chi năm 2024 ngân sách
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Thu học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi hoạt động từ 60% được để lại	
	Chi 40% bổ xung cái cách tiền lương	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.566.275
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.566.275
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.566.27
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.750.00
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi khác	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.816.27
	Cắt giảm tiết kiệm 5% nhiệm vụ chi không thường xuyên	18.816.27

	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Cấp bù học phí	
	Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3-4-5T	
	Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép	
	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

	Dự án A	
	Dự án B	
	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chỉ quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	